

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN

ĐỊA CHỈ : SỐ 2Bis 4-6 LÊ THÁNH TÔN, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 3 năm 2008)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>I</i>	Tài sản ngắn hạn	1.137.633.570.153	1.258.781.838.322
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	255.740.509.544	275.754.725.315
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	129.317.582.612	203.305.865.250
3	Các khoản phải thu	590.664.662.376	652.209.710.673
4	Hàng tồn kho	11.685.113.551	9.379.736.317
5	Tài sản ngắn hạn khác	150.225.702.070	118.131.800.767
<i>II</i>	Tài sản dài hạn	2.517.571.787.774	2.027.754.981.284
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	1.551.925.161.136	1.178.670.486.992
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	1.707.209.754.195	1.328.759.911.793
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(422.147.698.578)	(341.936.167.733)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	11.845.677.421	10.262.125.910
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(305.566.493)	(144.615.999)
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	255.322.994.591	181.729.233.021
3	Bất động sản đầu tư	230.679.491.637	-
	- Nguyên giá	232.179.491.637	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.500.000.000)	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	681.066.992.992	792.951.115.733
5	Tài sản dài hạn khác	53.900.142.009	56.133.378.559
<i>III</i>	Tổng tài sản	3.655.205.357.927	3.286.536.819.606
<i>IV</i>	Nợ phải trả	1.563.470.386.607	972.812.643.323
1	Nợ ngắn hạn	592.981.727.878	532.547.438.497
2	Nợ dài hạn	970.488.658.729	440.265.204.826
<i>V</i>	Nguồn vốn chủ sở hữu	2.086.783.850.955	2.283.740.202.100
1	Vốn chủ sở hữu	2.071.432.644.139	2.270.888.375.106
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	475.000.000.000	475.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.366.907.462.400	1.366.907.462.400
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Các quỹ	98.147.775.689	86.894.856.712
	- Lợi nhuận chưa phân phối	131.377.406.050	342.086.055.994
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	15.351.206.816	12.851.826.994
<i>C</i>	Lợi ích cổ đông thiểu số	4.951.120.365	29.983.974.183
<i>VI</i>	Tổng nguồn vốn	3.655.205.357.927	3.286.536.819.606

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ...)
NHÓM CÔNG TY GEMADEPT

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	499.395.812.972	1.410.047.141.223
2	Các khoản giảm trừ		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	499.395.812.972	1.410.047.141.223
4	Giá vốn hàng bán	404.466.791.386	1.170.181.571.184
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	94.929.021.586	239.865.570.039
6	Doanh thu hoạt động tài chính	34.703.812.205	112.347.282.307
7	Chi phí tài chính	260.742.412.994	397.020.282.426
8	Chi phí bán hàng	1.587.711.503	1.875.196.395
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.510.963.992	71.748.125.419
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(162.208.254.698)	(118.430.751.894)
11	Thu nhập khác	1.611.379.274	2.141.934.613
12	Chi phí khác		878.640.052
13	Lợi nhuận khác	1.611.379.274	1.263.294.561
14	Lợi nhuận trước thuế	(160.596.875.423)	(117.167.457.333)
15	Thuế thu nhập phải nộp		
16	Lợi nhuận sau thuế		

Hồ chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc